

Bản án số: 55/2024/HS-ST
Ngày 25-4-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Đình Hòa;
2. Bà Mai Thị Hoài Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2024/TLST - HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hà Thị N**, sinh năm 1982 tại huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Thái, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Xuân Q (đã chết) và con bà: Điều Thị L - sinh năm 1954; chồng: Hoàng Lê D (đã chết); con: Có 01 con sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng Trường Mầm non L1 thuộc Đảng bộ xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Hiện bị cáo Hà Thị N đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 148-QĐ/UBKTHU ngày 21/01/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy M2, tỉnh Yên Bái.

Ngày 11/01/2024, Hà Thị N bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/01/2024, tạm giam từ ngày 20/01/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Lai Châu đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hoàng Thị Thanh T**, sinh năm 1976 tại Thị xã N, tỉnh Yên

Bái. Nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn H (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị T1 (đã chết); Chồng: Trần Ngọc D1 – sinh năm: 1974; con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

- Ngày 16/01/2024, Hoàng Thị Thanh T bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 16/01/2024, tạm giam từ ngày 19/01/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Lai Châu đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Hà Thị N, sinh năm 1982, địa chỉ: Bản T, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái (*Hà Thị N đồng thời là bị cáo trong vụ án có mặt tại phiên tòa*).

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Thị N và Nguyễn Văn M có mối quan hệ quen biết từ năm 2018; Hà Thị N và Hoàng Thị Thanh T có mối quan hệ quen biết từ năm 2020.

Ngày 26/9/2022, Nguyễn Văn M gọi điện thoại cho Hà Thị N hỏi vay của Hà Thị N số tiền 200.000.000 đồng để giải quyết công việc cá nhân, qua trao đổi thống nhất M với N thỏa thuận với nhau cứ 10 ngày thì M trả lãi cho N là 50.000.000 đồng (*tương ứng với 25.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày*), không thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền gốc, N đồng ý. Do không có tiền để cho M vay nên cùng ngày N nhắn tin và gọi điện cho Hoàng Thị Thanh T để hỏi vay của T số tiền 200.000.000 đồng, mục đích để N cho M vay hưởng số tiền lãi chênh lệch.

- *Cụ thể hành vi của Hoàng Thị Thanh T cho Hà Thị N vay lãi nặng như sau:*

Ngày 26/9/2022, Khi Hà Thị N hỏi vay Hoàng Thị Thanh T số tiền 200.000.000 đồng, T nhất trí cho N vay và thỏa thuận thống nhất với N cứ 10 ngày thì N trả lãi cho T là 20.000.000 đồng (*tương ứng với 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày*), không thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền gốc. Trong ngày 26/9/2022, T đã chuyển khoản cho N đủ số tiền 200.000.000 đồng.

Trong các ngày 05/10/2022, 15/10/2022, 24/10/2022 và ngày 04/11/2022, N đã chuyển cho T số tiền lãi mỗi lần là 20.000.000 đồng vào số tài khoản của T. Đến ngày 14/11/2022, N chuyển cho T số tiền là 220.000.000 đồng (*bao gồm tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng*). Tổng số tiền lãi N đã chuyển khoản trả cho T là 100.000.000 đồng.

Sau khi đã thanh toán cả gốc và lãi khoản vay 200.000.000 đồng xong. Ngày 14/11/2023, Hoàng Thị Thanh T tiếp tục cho Hà Thị N vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 10.000.000 đồng/01 tháng (*tương ứng với 33.333 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày*), không thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền gốc. Đến ngày 14/12/2023, N chuyển cho T số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc 100.000.000 đồng này N chưa thanh toán cho T. Đến ngày 11/01/2024 hành vi của T, N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T phát hiện và ngăn chặn.

Như vậy, Hoàng Thị Thanh T đã 02 lần cho Hà Thị N vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, trong đó:

Lần vay 200.000.000 đồng: Hoàng Thị Thanh T cho Hà Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng trong thời gian 50 ngày (*từ ngày 26/9/2022 đến ngày 14/11/2022*) với mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự, thu được 100.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền mà T được hưởng khi cho vay không quá lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.479.452 đồng, nên số tiền mà Hoàng Thị Thanh T thu lợi bất chính là 100.000.000 đồng - 5.479.452 đồng = 94.520.548 đồng.

Lần vay 100.000.000 đồng: Hành vi của Hoàng Thị Thanh T cho Hà Thị N vay số tiền 100.000.000 đồng trong thời gian 59 ngày (*từ ngày 14/11/2023 đến ngày 11/01/2024*) với mức lãi suất 121,67%/năm, cao gấp 6,08 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự, nhằm mục đích thu 19.666.666 đồng tiền lãi. Số tiền mà T được hưởng khi cho vay không quá lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.232.877 đồng, nên số tiền mà T nhằm thu lợi bất chính khi cho N vay lãi nặng là 19.666.666 đồng - 3.232.877 đồng = 16.433.789 đồng, tuy nhiên T mới thu được 10.000.000 đồng tiền lãi thì bị cơ quan Công an phát hiện, N chưa trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi còn lại cho T. Trong số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi T thu được thì số tiền mà T được hưởng không quá lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.643.836 đồng, lãi suất trên 20% là 8.356.164 đồng, như vậy số tiền thu lợi bất chính thực tế T thu được là 8.356.164 đồng, số tiền thu lợi bất chính T chưa thu được là 16.433.789 đồng - 8.356.164 đồng = 8.077.625 đồng.

- *Cụ thể hành vi của Hà Thị N cho anh Nguyễn Văn M vay lãi nặng như sau:*

Sau khi vay được số tiền 200.000.000 đồng của T, cũng trong ngày 26/9/2022, theo thỏa thuận cho vay của N với Nguyễn Văn M từ trước, N đã chuyển khoản cho M vay số tiền 200.000.000 đồng, N và M thống nhất cứ 10 ngày thì M trả lãi cho N là 50.000.000 đồng (*tương ứng với 25.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày*), không thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền gốc. Trong khoảng thời gian từ ngày 05/10/2022 đến ngày 26/6/2023 do đến thời hạn như đã thỏa thuận nhưng không có đủ số tiền 50.000.000 đồng/10 ngày để chuyển cho N nên M chuyển tiền thành nhiều lần nhỏ, lẻ. Các lần trả lãi M đều

chuyển khoản trả lãi cho N qua số tài khoản ngân hàng, tổng cộng M đã chuyển khoản cho N 60 lần với tổng số tiền là 1.020.050.000 đồng (*chưa bao gồm số tiền gốc 200.000.000 đồng*).

Trong 1.020.050.000 đồng Minh chuyển cho N thì có 311.250.000 đồng là tiền M trả lại cho N do N cho M vay nhưng các bên thỏa thuận không tính lãi (*từ ngày 30/9/2022 đến ngày 15/02/2023, Hà Thị N đã chuyển khoản cho M vay không tính lãi 10 lần với tổng số tiền là 311.250.000 đồng*). Ngoài ra, M và N còn thỏa thuận trong tổng số tiền đã chuyển thì M cho N số tiền 127.000.000 đồng để mua quần áo, mỹ phẩm, chi trả tiền ăn uống phòng nghỉ, tiền taxi đi lại khi tiếp khách cho M. Như vậy, tổng số tiền lãi thực tế mà Hà Thị N thu được của Nguyễn Văn M là 581.800.000 đồng.

Từ ngày 27/6/2023 do khó khăn, không có tiền nên M chưa trả cho N số tiền lãi và gốc 200.000.000 đồng trước đó nên giữa N và M thỏa thuận với nhau là từ ngày 27/6/2023 đến ngày bị Công an huyện T phát hiện là ngày 11/01/2024, không tính lãi của khoản vay 200.000.000 đồng và N yêu cầu M trả lại số tiền lãi và gốc 200.000.000 đồng đã vay ngày 26/9/2022 nhưng M chưa trả được.

Như vậy, hành vi của Hà Thị N cho Nguyễn Văn M vay số tiền 200.000.000 đồng trong thời gian là 274 ngày (*tính từ ngày 26/9/2022 đến ngày 26/6/2023*) với mức lãi suất 912,5%/năm, cao gấp 45,63 lần so với mức so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự, nhằm mục đích thu 1.370.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền mà N được hưởng khi cho vay không quá lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự là 30.027.397 đồng, nên số tiền mà Hà Thị N nhằm thu lợi bất chính khi cho anh Nguyễn Văn M vay lãi nặng là 1.370.000.000 đồng - 30.027.397 đồng = 1.339.972.603 đồng. Thực tế N đã thu được số tiền lãi là 581.800.000 đồng. Trong số tiền lãi 581.800.000 đồng N thu được thì số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 12.751.781 đồng, số tiền lãi bất chính Nhận thu được là 581.800.000 đồng - 12.751.781 đồng = 569.048.219 đồng. Như vậy tổng số tiền lãi bất chính thực tế N thu được là 569.048.219 đồng, số tiền lãi bất chính Nhận chưa thu được là 1.339.972.603 đồng - 569.048.219 đồng = 770.924.384 đồng.

Toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi thu được khi cho vay lãi nặng Hà Thị N và Hoàng Thị Thanh T đã sử dụng để trả nợ tiền vay ngân hàng và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 03/01/2024, Nguyễn văn M1 có đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Lai Châu tố giác Hà Thị N về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hà Thị N, Hoàng Thị Thanh T đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Giữa Hoàng Thị Thanh T với Hà Thị N còn có 03 giao dịch vay tiền với lãi suất thỏa thuận từ 73 đến 912,5%/năm. Tuy nhiên trong 03 giao dịch này có 01 giao dịch đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra Công an huyện T không đề cập xử lý, có 02 giao dịch vay vẫn đang tiếp diễn, Hà Thị N trả tiền lãi liên tục đến thời điểm bị cơ quan điều tra phát hiện, bắt giữ và chưa trả tiền vay gốc nhưng quá trình điều tra xác định, hành vi cho vay của T chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự và T chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị kết án về hành vi này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chuyển xử lý hành chính theo quy định.

- Quá trình điều tra xác định, từ ngày 01/6/2022 đến ngày 16/9/2022 giữa Nguyễn Văn M đã 13 lần vay tiền của Hà Thị N với tổng số tiền là 973.000.000 đồng và từ ngày 03/6/2022 đến ngày 22/9/2022 M đã trả tổng cộng số tiền là 1.091.000.000 đồng trong đó có 973.000.000 đồng tiền gốc và 118.000.000 đồng tiền lãi, mức lãi suất thỏa thuận bình quân là 40,99%/năm, gấp 2,05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Đối với 13 giao dịch cho vay tiền này đều chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm và hành vi của N đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề cập xử lý.

- Trong tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng của Hà Thị N, Hoàng Thị Thanh T có thể hiện ngoài các giao dịch nêu trên, còn một số giao dịch chuyển tiền, nhận tiền của Hà Thị N, Hoàng Thị Thanh T cho các cá nhân khác có dấu hiệu của hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra thông báo tìm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Yên Bái để giải quyết theo quy định của pháp luật; ngày 05/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Yên Bái đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 12, Quyết định khởi tố bị can số 16 đối với Hoàng Thị Thanh T về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để điều tra, xử lý đối với các giao dịch có liên quan xảy ra tại địa bàn huyện M, tỉnh Yên Bái.

- *Đối với vật chứng của vụ án:*

+ Bị cáo Hà Thị N thừa nhận, 03 điện thoại di động các loại (trong đó, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 8, vỏ màu xanh, điện thoại lắp 01 thẻ sim số 0912885685; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F5, lắp 02 thẻ sim số 0985980897 và 0346010805; 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 12 Promax màu vàng gold, lắp sim điện thoại số 0337669358) N sử dụng để liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Các giấy tờ, sổ sách mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ và đang lưu trữ trong hồ sơ vụ án là những tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Hà Thị N.

Đối với 01 USB nhãn hiệu Kingston loại 8Gb và 01 máy tính xách tay (*laptop*) nhãn hiệu HP màu trắng bạc thu giữ không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo Hà Thị N và Nguyễn Văn M.

+ Đối với 01 thẻ ngân hàng A mang tên HOANG THI THANH THUY, số thẻ 9704051068337057, 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 15 Promax dung lượng 256Gb, màu xám bị thu giữ bị cáo Hoàng Thị Thu T2 không sử dụng để giao dịch, liên lạc, thỏa thuận cho vay nặng lãi với N nên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T2.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn M có đơn không đề nghị bị cáo Hà Thị N trả lại số tiền lãi suất vượt quá 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự; Hà Thị N không yêu cầu Hoàng Thị Thanh T trả lại số tiền lãi suất vượt quá 20%/ năm theo quy định của Bộ luật Dân sự; Hoàng Thị Thanh T không đề nghị Hà Thị N trả lại các khoản tiền đã cho vay.

Bản Cáo trạng số 26/CT -VKS - TU, ngày 15/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên để xét xử Hoàng Thị Thanh T, Hà Thị N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Thanh T, Hà Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Thị N mức án từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng, buộc cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thanh T mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, buộc cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo N số tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt bổ sung bị cáo T số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 8, vỏ màu xanh, kiểu máy: SM N950NIDS, IMEI 1: 358333087048156, IMEI 2: 358333087048156, điện thoại lắp 01 thẻ sim số 0912885685, phôi sim số 89840200011431964715 của nhà mạng Vinaphone; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F5, kiểu máy CPH 1723, vỏ máy màu đen, IMEI 1:

867458038438950, IMEI 2: 867458038438943, lắp 02 thẻ sim số 0985980897, phôi sim số 898404800005144613 của nhà mạng Viettel và 0346010805 phôi sim số 8984048000037150204 của nhà mạng Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 12 Promax màu vàng gold, số IMEI 1: 350002269034684, số IMEI 2: 350002269346211, lắp sim điện thoại số 0337669358, phôi sim số 8984048851001418771 của nhà mạng Viettel.

- Trả lại cho Hoàng Thị N1: 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP màu trắng bạc ID: 78BFE490-41CD-456C7-961F-B1CF7F3981D4; 01 USB nhãn hiệu kingston loại 8Gb.

- Trả lại cho Hoàng Thị Thanh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 15 Promax dung lượng 256Gb, màu xám, điện thoại lắp 01 thẻ sim số 0943575478 phôi sim số 8940200010887677406 của nhà mạng Vinaphone và 01 Esim số 0979155179; 01 thẻ ngân hàng A mang tên HOANG THI THANH THUY, số thẻ 9704051068337057.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn M không yêu cầu bị cáo Hà Thị N trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt quá lãi suất 20%/năm, chấp nhận sự tự nguyện của Hà Thị N không yêu cầu bị cáo Hoàng Thị Thanh T trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt quá lãi suất 20%/năm.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Hoàng Thị Thanh T tổng số tiền số tiền 207.123.288 đồng, xác nhận Hoàng Thị Thanh T đã nộp 7.500.000 đồng, còn phải tiếp tục nộp 199.623.288 đồng.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của Hà Thị N tổng số tiền 112.751.781 đồng, xác nhận Hà Thị N đã nộp 31.000.000 đồng, còn phải tiếp tục nộp 81.751.781 đồng.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của anh Nguyễn Văn M số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các bị cáo đều đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì. Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không truy thu đối với số tiền gốc bị cáo đã cho vay vì đó là số tiền do bị cáo lao động chính đáng mà có, hoàn cảnh kinh tế của bị cáo hiện tại rất khó khăn nên không có khả năng nộp số tiền truy thu theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn M không yêu cầu bị cáo N phải trả lại cho anh M số tiền bị cáo N đã thu lợi bất chính của anh M và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không truy thu đối với số tiền 200.000.000 đồng anh M đã vay của N vì hiện tại anh M cũng không có đủ khả

năng nộp lại số tiền trên, nếu như vẫn phải nộp số tiền truy thu 200.000.000 đồng thì anh M đề nghị Hội đồng xét xử đối trừ số tiền 200.000.000 đồng truy thu của anh M đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo N để anh M không phải nộp lại tiền vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, các bị cáo rất hối hận. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Thị Thanh T, Hà Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Vì mục đích thu lợi bất chính, Hà Thị N đã cho Nguyễn Văn M vay số tiền 200.000.000 đồng trong thời gian 274 ngày (*từ ngày 26/9/2022 đến ngày 26/6/2023*) với mức lãi suất 912,5%/năm, cao gấp 45,63 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định (*theo quy định của Bộ luật dân sự lãi suất cao nhất là 20%/năm*) nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền 1.339.972.603 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính thực tế bị cáo đã nhận là 569.048.219 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà N chưa thu được là 770.924.384 đồng.

Cũng vì mục đích thu lợi bất chính nên Hoàng Thị Thanh T đã cho Hà Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng trong thời gian 50 ngày (*từ ngày 26/9/2022 đến ngày 15/11/2022*) với mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định (*theo quy định của Bộ luật dân sự lãi suất cao nhất là 20%/năm*) và đã thu được 100.000.000 đồng tiền lãi, trong đó thực tế số tiền lãi Hoàng Thị Thanh T thu lợi bất chính khi cho N vay lãi nặng là 94.520.548 đồng. Ngày 14/11/2023, Hoàng Thị Thanh T còn cho Hà Thị N vay số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 14/11/2023 đến ngày 11/01/2024 là 59 ngày với mức lãi suất 121,67%/năm, cao gấp 6,08 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự, nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền 16.433.789 đồng, tuy nhiên thực tế số tiền lãi thu lợi bất chính T mới nhận được là 8.356.164 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính mà T chưa thu được là 8.077.625 đồng. Như

vậy, tổng số tiền lãi mà Hoàng Thị Thanh T nhằm thu lợi bất chính khi cho N vay lãi nặng trong 02 lần là 110.954.000 đồng, thực tế số tiền lãi thu lợi bất chính mà Hoàng Thị Thanh T đã thu được từ Hà Thị N là 102.876.712 đồng.

Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, tuy nhiên vì hám lợi bất chính mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên cần thiết phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo Hoàng Thị Thanh T có bố chồng là ông Trần Văn T3 là liệt sỹ; trong quá trình giảng dạy tại trường học, Hoàng Thị Thanh T và Hà Thị N nhiều năm được tặng danh hiệu lao động tiên tiến. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo Hà Thị N là người có thành tích xuất sắc trong công tác, nhiều năm được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy các bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chấp hành tốt chủ trương pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương nơi cư trú nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cần chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, cải tạo và giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy cần phạt bổ sung bị cáo Hà Thị N 45.000.000 đồng, phạt bổ sung bị cáo Hoàng Thị Thanh T 30.000.000 đồng,

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 tài liệu viết tay thể hiện nội dung ghi nợ của Hà Thị N; 03 giấy vay tiền: Người vay Nguyễn Văn M, người cho vay Hà Thị N; 01 quyển sổ loại sổ giáo án A4 200 trang bên trong có 01 trang thể hiện nội dung ghi nợ giữa Hà Thị N, Nguyễn Văn M; 01 tập gồm 95 tờ giấy A4 có thể hiện nội dung vay mượn tiền của Hà Thị N; 01 tập gồm 49 tờ giấy A4 có thể hiện nội dung Nguyễn Văn M vay tiền của Hà Thị N và sao kê tài khoản của Hà Thị N là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 8, vỏ màu xanh, kiểu máy: SM N950NIDS, IMEI 1: 358333087048156, IMEI 2: 358333087048156, điện thoại lắp 01 thẻ sim số 0912885685, phôi sim số 89840200011431964715 của nhà mạng Vinaphone; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F5, kiểu máy CPH 1723, vỏ máy màu đen, IMEI 1: 867458038438950, IMEI 2: 867458038438943, lắp 02 thẻ sim số 0985980897, phôi sim số 898404800005144613 của nhà mạng Viettel và 0346010805 phôi sim số 8984048000037150204 của nhà mạng Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 12 Promax màu vàng gold, số IMEI 1: 350002269034684, số IMEI 2: 350002269346211, lắp sim điện thoại số 0337669358, phôi sim số 8984048851001418771 của nhà mạng Viettel đều là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo Hà Thị N nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 máy tính xách tay (*laptop*) nhãn hiệu HP màu trắng bạc ID: 78BFE490-41CD-456C7-961F-B1CF7F3981D4; 01 USB nhãn hiệu kingston không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần xem xét trả lại cho bị cáo N.

- 01 thẻ ngân hàng A mang tên HOANG THI THANH THUY, số thẻ 9704051068337057 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 15 Promax dung lượng 256Gb, màu xám, điện thoại lắp 01 thẻ sim số 0943575478 phôi sim số 8940200010887677406 của nhà mạng Vinaphone và 01 Esim số 0979155179 không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần xem xét trả lại cho bị cáo Hoàng Thị Thanh T.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Ghi nhận ý kiến của anh Nguyễn Văn M không đề nghị bị cáo Hà Thị N trả lại số tiền lãi suất đã thu vượt quá 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự; Hà Thị N không yêu cầu bị cáo Hoàng Thị Thanh T trả lại số tiền lãi suất đã thu vượt quá 20%/ năm theo quy định của Bộ luật Dân sự;

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Hoàng Thị Thanh T tổng số tiền

207.123.288 đồng (trong đó số tiền gốc T cho Hà Thị N vay là 200.000.000 đồng và số tiền lãi T được hưởng thực tế khi cho N vay tương ứng với lãi suất 20%/năm là 5.479.452 đồng + 1.643.836 đồng = 7.123.288 đồng). Xác nhận Hoàng Thị Thanh T đã nộp 7.500.000 đồng, còn phải tiếp tục nộp 199.623.288 đồng.

Hội đồng xét xử xác định số tiền 200.000.000 đồng là số tiền bị cáo T đã dùng cho bị cáo N vay nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Không chấp nhận đề nghị của bị cáo T về việc không truy thu số tiền 200.000.000 đồng đối với bị cáo.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của Hà Thị N tổng số tiền 112.751.781 đồng (trong đó số tiền gốc N vay chưa trả cho T là 100.000.000 đồng và số tiền lãi N được hưởng thực tế khi cho anh Nguyễn Văn M vay tương ứng với lãi suất 20%/năm là 12.751.781 đồng). Xác nhận Hà Thị N đã nộp 31.000.000 đồng, còn phải tiếp tục nộp 81.751.781 đồng.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của anh Nguyễn Văn M số tiền 200.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xác định số tiền 200.000.000 đồng là số tiền gốc Hà Thị N cho anh M vay nhưng anh M chưa trả cho N, căn cứ theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của anh Nguyễn Văn M về việc không truy thu số tiền 200.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn M.

Đối với yêu cầu đối trừ số tiền truy thu phải nộp của anh Nguyễn Văn M đối với tiền lãi thu lợi bất chính khi cho anh M của Hà Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: đối với số tiền thu lợi bất chính của N khi cho anh M vay, anh Nguyễn Văn M không yêu cầu bị cáo N phải trả lại nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phân trách nhiệm dân sự. Số tiền gốc 200.000.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính của N khi cho anh M vay là hai khoản tiền khác nhau nên không thực hiện đối trừ nghĩa vụ được cho nhau. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn M về việc đối trừ số tiền thu lợi bất chính của bị cáo N để anh Nguyễn Văn M không phải nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền truy thu 200.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Các bị cáo Hà Thị N, Hoàng Thị Thanh T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Thanh T, Hà Thị N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thị N 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Thị N cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thanh T 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Hà Thị N, Hoàng Thị Thanh T thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, các bị cáo Hà Thị N, Hoàng Thị Thanh T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung Hà Thị N số tiền 45.000.000 đồng, phạt bổ sung Hoàng Thị Thanh T số tiền 30.000.000 đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ *Tịch thu sung quỹ Nhà nước:*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 8, vỏ màu xanh, kiểu máy: SM N950NIDS, IMEI 1: 358333087048156, IMEI 2: 358333087048156, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO F5, kiểu máy CPH 1723, vỏ máy màu đen, IMEI 1: 867458038438950, IMEI 2: 867458038438943, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 12 Promax màu vàng gold, số IMEI 1: 350002269034684, số IMEI 2: 350002269346211, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ *Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 thẻ sim số 0912885685, phôi sim số 89840200011431964715 của nhà mạng Vinaphone.

- 02 (hai) thẻ sim số 0985980897, phôi sim số 898404800005144613 của nhà mạng Viettel và số 0346010805 phôi sim số 8984048000037150204 của nhà mạng Viettel.

- 01 (một) thẻ sim số 0337669358, phôi sim số 8984048851001418771 của nhà mạng Viettel.

+ Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị Thanh T: 01 (một) thẻ ngân hàng A mang tên HOANG THI THANH THUY, số thẻ 9704051068337057; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 15 Promax dung lượng 256Gb, màu xám, IMEI 1: 356103503080626, IMEI 2: 35610350392571, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) thẻ sim số 0943575478 phôi sim số 8940200010887677406 của nhà mạng Vinaphone và 01 Esim số 0979155179.

+ Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị N1: 01 (một) máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP màu trắng bạc ID: 78BFE490-41CD-456C7-961F-B1CF7F3981D4, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston loại 8Gb.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng hồi 09 giờ 00 phút, ngày 22/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu).

3. Về biện pháp tư pháp:

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của Hà Thị N tổng số tiền 112.751.781 đồng. Xác nhận Hà Thị N đã nộp 31.000.000 đồng theo biên lai số 0000920 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, Hà Thị N còn phải tiếp tục nộp lại số tiền 81.751.781 đồng.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Hoàng Thị Thanh T tổng số tiền 207.123.288 đồng. Xác nhận Hoàng Thị Thanh T đã nộp lại 7.500.000 đồng theo biên lai số 0000921 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, Hoàng Thị Thanh T còn phải tiếp tục nộp lại số tiền 199.623.288 đồng.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 200.000.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Hoàng Thị Thanh T, Hà Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo nội dung bản án trực tiếp liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Bị cáo; NQLNVLQ;
- UBND xã Khao Mang, H. Mù Cang Chải;
- UBND xã Púng Luông, Mù Cang Chải;
- UBKT Huyện uỷ Mù Cang Chải;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh

